

Bản án số: 268/2023/HS-PT
Ngày: 18/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Cường

Ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 244/2023/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo B và đồng phạm về tội “*Giết người*”. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HSST-CTN ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bị cáo:

1. B, sinh ngày 05/6/1999 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông HM, sinh năm 1958 và bà BL, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 13/9/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.

2. H, sinh ngày 04/5/2006 (*Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1844/KL-KTHS ngày 23/12/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại Tp Đà Nẵng kết luận: Tại thời điểm giám định là từ 16 năm 9 tháng đến 17 năm 3 tháng; tại thời điểm gây án là 16 năm 6 tháng tuổi*), tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông BL1, sinh năm 1971 và bà T3 (*đã chết*); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 13/9/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.

3. T, sinh ngày 01/01/2007 (tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 1845/KL-KTHS ngày 23/12/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại Tp Đà Nẵng kết luận: Tại thời điểm giám định tháng 12/2022 là: Từ 16 năm 3 tháng đến 16 năm 9 tháng; tại thời điểm gây án là 16 năm tuổi), tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông AM, sinh năm 1970 và bà R, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 13/9/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.

4. T1, sinh ngày 03/8/1998 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông T4, sinh năm 1956 và bà DR, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 13/9/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.

5. B1, sinh ngày 01/01/1999 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: Không; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B3 (đã chết) và bà K3, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 13/9/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.

- Người bào chữa cho các bị cáo B, T1, B1: Ông Tổng Đức N1 – Văn phòng Luật sư H2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai- Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo H, T: Bà Trang Thị Thùy D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Gia Lai- Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo H: Ông BL1, sinh năm 1971; địa chỉ: Làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai- Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Ông AM, sinh năm 1970 và bà R, sinh năm 1976; địa chỉ: Làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai- Có mặt.

- Người đại diện gia đình của bị cáo T1 : Ông T4, sinh năm 1956 và bà DR, sinh năm 1964; nơi cư trú: Làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai- Có mặt.

- Người đại diện gia đình của bị cáo B1: Bà K3, sinh năm 1960; nơi cư trú: Làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai- Có mặt.

- Người đại diện gia đình của bị cáo B : Ông HM, sinh năm 1958; nơi cư trú: Làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai- Có mặt.

- **Bị hại có kháng cáo:** Anh Nguyễn Minh K, sinh ngày 28/7/1985; địa chỉ: Thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 12/9/2022, B, H, T, T1, B1, M và C (cùng trú tại làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) ngồi uống rượu tại quán vỉa hè đường L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đến 21 giờ 30 phút thì cả nhóm đi về, khi đi B điều khiển xe mô tô biển số 81B2-878.44 chở H; B1 điều khiển xe mô tô biển số 81C1-05119; T1 điều khiển xe mô tô biển số 81B2-039.84 và T điều khiển xe mô tô biển số 81K7- 6004 tất cả đi 1 mình; M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81C1- 081.60 chở C đi theo hướng đường L rồi rẽ vào đường TP thị trấn Đ, huyện Đ để đi về làng K1, xã HN, huyện Đ. Khi đi đến trước số nhà 150 TP, thị trấn Đ thì gặp anh Nguyễn Minh K điều khiển xe mô tô biển số 81B2 – 726.97 đi ngược chiều. Do anh K bật đèn pha chiếu sáng vào nhóm của B nên B, H, T, T1, B1 đã chặn xe của anh K dừng lại để nói chuyện. Riêng M và C đi qua và quay lại thấy B, H, T, T1 và B1 đang nói chuyện anh K thì M và C đi về nhà. Khi anh K dừng xe B hỏi anh K “Sao anh bật đèn pha sáng thế”, thì K lấy điện thoại di động gọi cho anh Nguyễn Thanh H4 và nói “Em đang ở đâu ra cổng chào thôn 4 có chuyện vui lắm”. Sau đó anh K xuống xe và nói “Bọn mày thích gì”, nghe thấy anh K nói vậy thì H tìm nhặt 01 cục đá trên đường cầm trên tay và nói “Anh muốn gì”. Thấy H cầm đá đe dọa nên anh K đã giật cục đá trên tay của H và đánh vào vùng mặt làm H bị trầy xước da. Thấy H bị anh K đánh nên B xông vào dùng tay đâm vào vùng bụng anh K thì bị anh K đánh trả, T chạy tới ôm anh K từ phía sau, còn H, B1, T1, B lao vào đánh K thì K vùng vẫy nên T đã ghì K làm K ngã xuống đường lúc này trên đầu anh K đội mũ bảo hiểm, loại mũ trùm kín đầu thì T1 tháo mũ bảo hiểm của anh K ra, rồi dùng mũ bảo hiểm đánh vào người của anh K. Sau đó, B đã nhặt 01 cục đá kích thước khoảng 15 x 10cm cầm bằng tay phải đập 02 cái vào vùng đầu anh K rồi ném cục đá xuống đất, H nhặt lại cục đá mà B ném tiếp tục ném vào người anh K, B tiếp tục nhặt 01 cục đá kích thước khoảng 25 x 30cm đến đập anh K nhưng được T1 và B1 can ngăn. Thấy anh K nằm bất tỉnh nên B, H, T1, T và B1 đã đi về nhà ở làng K1, xã HN, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghe điện thoại của anh K, anh Nguyễn Thanh H4 đi xe mô tô ra nơi xảy ra vụ việc thì phát hiện thấy anh K đang nằm bất tỉnh trên đường nên đã đưa anh K đến Bệnh viện Đại học y dược Hoàng Anh Gia Lai đi cấp cứu và điều trị. Đến ngày 30/9/2022 thì xuất viện về nhà.

Ngày 13/9/2022 B, T, H đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai đầu thú. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với T1 và B1. Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Hiện trường xảy ra tại đoạn đường TP, tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, Gia Lai. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Ngày 19/9/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trưng cầu Trung tâm giám định pháp y tỉnh Gia Lai giám định tỷ lệ thương tích tổn hại sức khỏe đối với Nguyễn Minh K. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 301/22/TgT ngày 28/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Một vết mổ hình vòng cung vùng đỉnh chẩm thái dương trái kích thước (32x0,2)cm, đã khâu ngày thứ 11 chưa cắt chỉ, vết thương khô, đóng vảy.
- Một vết mổ dẫn lưu vùng đỉnh sau kích thước 1x0,5cm, khô, đóng vảy.
- Một vết thương phần mềm vùng trán lệch trái kích thước 4x0,2cm, vết thương khô.
- Hố mắt phải bầm tụ máu trong diện 6,5x5,5cm, màu tím sậm.
- Hố mắt trái bầm tụ máu trong diện 4x5cm, màu tím sậm.
- Môi trên; môi dưới bên ngoài và phía trong niêm mạc môi bầm tụ máu trong diện (8x5)cm.
- Bờ dưới góc hàm phải bầm tụ máu trong diện 4,5x4,5cm, màu tím sậm.
- Vùng cổ bên phải bầm tụ máu trong diện 14x7cm, màu tím sậm.
- Một vết xước da nông vùng gò má phải kích thước 1x0,2cm.
- Một vết thương phần mềm mặt trong ngón I bàn tay trái kích thước 3x1cm, đã đóng vảy, khô.
- Chấn thương sọ não gây vỡ xương bản sọ vùng thái dương trán phải.
- Chấn thương sọ não gây tụ máu dưới màng cứng thùy thái dương trán đỉnh trái.
- Chấn thương sọ não gây tụ máu ngoài màng cứng vùng thái dương phải và thùy thái dương trán đỉnh trái.
- Chấn thương sọ não gây xuất huyết dưới nhện các rãnh cuộn não bán cầu đại não trái
- Chấn thương gây gãy cung tiếp xương gò má phải.
- Chấn thương gây gãy thành trước ngoài xoang hàm phải.
- Chấn thương gây gãy xương chính mũi.
- Chấn thương gây gãy thành ổ mắt phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 59% (năm mươi chín phần trăm). Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư 22/2019/TT-BYT.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Minh K yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền gồm: Tiền chi phí điều trị: 53.000.000đ (*Năm mươi ba triệu đồng*); Tiền ngày công người chăm sóc: 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*); Tiền thiệt hại ngày công lao động của Nguyễn Minh K: 64.000.000đ (*Sáu mươi tư triệu đồng*) và tiền tổn thất về tinh thần bồi thường theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 73.000.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu đồng*). Trong đó mỗi gia đình bị cáo bồi thường số tiền 14.600.000 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Tại cáo trạng số 45/CT-VKS-P2 ngày 01/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo B, H, T, B1 và T1 về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HSST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo B, H, T, B1 và T1 phạm tội “*Giết người*”.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo B, B1, T1.

+ Xử phạt bị cáo B **11 (mười một)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2022.

+ Xử phạt bị cáo T1 **8 (tám)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2022.

+ Xử phạt bị cáo B1 **8 (tám)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2022.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H và T

+ Xử phạt bị cáo bị cáo H **4 (bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2022.

+ Xử phạt bị cáo T **4 (bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2022.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên và bị hại. Các bị cáo B, H, T, B1 và T1 tiếp tục bồi thường cho bị hại tổng số tiền 8.000.000đ (*trong đó mỗi bị cáo 1.600.000đ*). Do các bị cáo H, T là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên là ông BL1; ông AM và bà R có nghĩa vụ bồi thường thay cho các bị cáo.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về lỗi chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/4/2022 bị hại Nguyễn Minh K có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Nguyễn Minh K giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Minh K theo hướng công nhận sự tự nguyện của đại diện gia đình của 05 bị cáo về bồi thường thêm cho bị hại Nguyễn Minh K, mỗi gia đình số tiền là 10.000.000 đồng và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ từ việc bị hại Nguyễn Minh K điều khiển xe mô tô có đèn chiếu sáng vào nhóm của các bị cáo nhưng các bị cáo chặn xe của anh K để gây sự và dùng tay, chân đâm đá; tháo mũ bảo hiểm của anh K ra rồi dùng đá ném và dùng đá đập vào vùng đầu của bị hại làm anh K tổn hại cơ thể do thương tích gây là 59%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo B, H, T, B1 và T1 phạm tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Minh K:

Bị hại Nguyễn Minh K yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền gồm: Tiền chi phí điều trị: 53.000.000đ (*Năm mươi ba triệu đồng*); Tiền chi phí tái khám 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*); Tiền ngày công người chăm sóc: 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*); Tiền thiệt hại ngày công lao động của Nguyễn Minh K: 64.000.000đ (*Sáu mươi tư triệu đồng*) và tiền tổn thất về tinh thần bồi thường theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 73.000.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu đồng*). Trong đó mỗi gia đình bị cáo bồi thường số tiền 14.600.000 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Nguyễn Minh K thừa nhận các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo chưa thành niên đã bồi thường cho bị hại số tiền 73.000.000đ và bị hại Nguyễn Minh K chỉ yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh K số tiền 8.000.000đ (*8.000.000 đồng X 5 bị cáo = 40.000.000 đồng*): “*Ngoài số tiền 73.000.000 đồng đã bồi thường thì tôi yêu cầu bồi thường thêm 8 triệu đồng và tôi không yêu cầu bồi thường gì khác*”; yêu cầu của bị hại Nguyễn Minh K được các bị cáo cùng người đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên đồng ý chấp nhận và đại diện Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đề

nghị: “... các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo là người chưa thành niên phải tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại tổng số tiền 8.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Minh K- mỗi bị cáo 1.600.000 đồng”; đây là quyền quyết định và tự định đoạt của anh K theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của giữa các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo với bị hại Nguyễn Minh K; các bị cáo B, H, T, B1 và T1 phải tiếp tục bồi thường cho bị hại tổng số tiền 8.000.000đ (trong đó mỗi bị cáo 1.600.000đ) là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện gia đình của 05 bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho bị hại Nguyễn Minh K, mỗi gia đình số tiền là 10.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đại diện gia đình của 05 bị cáo nên HĐXX cấp phúc thẩm công nhận sự tự nguyện và sửa bản án sơ thẩm.

[3] Bị hại Nguyễn Minh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Minh K; sửa bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự.

Xử:

1/ Căn cứ Điều 584; Điều 586; Điều 587; Điều 590; Điều 591 Bộ luật dân sự.

- Buộc các bị cáo B, T1, B1, T và H mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Minh K số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Do các bị cáo H, T là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên người đại diện hợp pháp là AM và bà R bồi thường thay cho bị cáo T và ông BL1 bồi thường thay cho bị cáo H.

- Công nhận sự tự nguyện của ông BL1 (cha bị cáo H), ông AM (cha bị cáo T), bà Kuắp (mẹ bị cáo B1), ông T4 và bà DR (cha, mẹ bị cáo T1), ông HM (cha bị cáo B): Mỗi người có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Minh K số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Các phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo B, H, T, B1 và T1; về xử lý vật chứng và về án phí sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/ Bị hại Nguyễn Minh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Phước Thanh